

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 22/6/2019 và trong quá trình giải quyết ông A trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ông A cho bà B và anh H vay một số tiền cụ thể như sau: Ngày 24/8/2017 (dương lịch), ông A có cho anh H và bà B (mẹ anh H) vay số tiền 25.000.000 đồng, hai bên có lập giấy viết tay do anh H trực tiếp viết nội dung, số tiền vay ông A giao cho anh H và bà B nhận. Theo thỏa thuận thời hạn trả nợ là tháng 11/2017, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 05%/tháng, lãi trả hàng tháng, mục đích để bà B và anh H trả tiền mua đất. Bà B và anh H trả lãi cho ông A từ tháng 09/2017 đến tháng 04/2018 với số tiền là 10.000.000 đồng, việc trả tiền lãi do bà B trực tiếp trả nhưng không lập giấy tờ và cũng không có người làm chứng. Đến khoảng cuối năm 2017, bà B vay thêm số tiền 15.000.000 đồng, hai bên có lập giấy viết tay do bà B trực tiếp viết, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 05%/tháng, thời hạn trả 01 tháng, mục đích để chữa bệnh cho chồng là ông N. Từ tháng 01/2018 đến tháng 04/2018, bà B đã trả tiền lãi cho ông A được 04 tháng với số tiền là 3.000.000 đồng, việc trả lãi không lập giấy tờ, không có người làm chứng.

Đến hạn, ông A đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà B và anh H đều khất nợ. Ngày 03/8/2018, bà B viết giấy hẹn nợ và xác nhận còn nợ ông A số tiền là 40.000.000 đồng, trong đó 25.000.000 đồng bà B và anh H vay ngày 24/8/2017 (DL) và 15.000.000 đồng bà B vay vào khoảng cuối năm 2017, bà B hẹn đến ngày 02/10/2018 sẽ trả hết số tiền nêu trên. Sau khi viết giấy hẹn nợ ông A và bà B vẫn thỏa thuận miệng lãi suất 05%/tháng, lãi trả hàng tháng nhưng bà B không trả tiền lãi, đến hạn thanh toán tiền gốc bà B cũng không trả tiền gốc cho ông A. Tiếp đến ngày 04/02/2019 (DL), bà B tiếp tục viết giấy hẹn nợ với số tiền tổng cộng cả gốc và lãi là 59.000.000 đồng, trong đó 40.000.000 đồng chót nợ ngày 03/8/2018, bà B vay thêm 1.000.000 đồng để đóng tiền huê và 18.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền 40.000.000 đồng, với lãi suất 05%/tháng.

Nay ông A yêu cầu bà B và anh H cùng có trách nhiệm trả cho ông A số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 05/2018 đến tháng 01/2019 đến nay là 09 tháng, với mức lãi suất 05%/tháng, số tiền lãi là 11.250.000 đồng, cộng cả gốc và lãi là 36.250.000 đồng. Và yêu cầu bà B trả số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng vay cuối năm 2017, 1.000.000 đồng vay tháng 02/2019, với mức lãi suất là 05%/tháng tính từ tháng 05/2018 đến tháng 01/2019 là 09 tháng, số tiền lãi là 6.750.000 đồng, cộng cả gốc và lãi là 22.750.000 đồng. Tổng cộng là 59.000.000 đồng, không yêu cầu tính thêm tiền lãi.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không được vì lý do bà B và anh H vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên và yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc 40.000.000 đồng từ ngày tháng 5/2019 đến 10/2019 là 05 tháng, mức lãi suất 1,6%/tháng, số tiền lãi là 3.200.000 đồng, cộng gốc và lãi là 62.200.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A, buộc bà B và anh H phải trả số tiền gốc 25.000.000 đồng và lãi suất 1,67%/tháng, khấu trừ 10.000.000 đồng lãi đã trả; buộc bà B và anh N phải trả số tiền 15.000.000 đồng và lãi suất 1,67%/tháng, khấu trừ 3.000.000 đồng lãi đã trả. Về án phí đề nghị buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: ông A yêu cầu Tòa án buộc bà B và anh H phải trả số tiền gốc là 59.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất phát sinh vì cho rằng phía bị đơn chưa thanh toán nên phát sinh tranh chấp. Do vậy xác định quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông A, đối chiếu tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, lời trình bày của các bên thể hiện:

Ngày 24/8/2017 (dương lịch), ông A cho anh H và bà B vay 25.000.000 đồng, hai bên có lập giấy vay tiền viết tay do anh H trực tiếp viết, bà B và anh H cùng ký tên, thời hạn trả nợ là tháng 11/2017, không thể hiện lãi suất. Ngày 04/11/2017, bà B vay thêm số tiền 5.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả 01 tháng. Ngày 29/11/2017, bà B vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thời hạn trả.

Đến ngày 03/8/2018, bà B viết giấy nhận nợ với số tiền 40.000.000 đồng và hẹn đến ngày 02/10/2018 sẽ trả cho ông A nhưng không trả. Và đến ngày 04/02/2019, bà B tiếp tục viết giấy với số tiền 59.000.000 đồng và hẹn đến tháng 02 (âm lịch) năm 2019 sẽ trả cho ông A.

Qua trình bày của các bên tại phiên toà xác định được trong tổng số tiền 59.000.000 đồng thì 40.000.000 đồng là tiền gốc và 19.000.000 đồng là tiền lãi được tính với mức lãi 05%/tháng. Còn ông A cho rằng trong số tiền 19.000.000 đồng thì có 1.000.000 đồng bà B vay thêm để đóng huê là không có cơ sở.

Xét thấy các giấy vay nêu trên không thể hiện lãi suất nhưng thực tế giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất từ 05 đến 06%/tháng là vượt quá mức lãi quy định của pháp luật, nay bà B chỉ đồng ý trả cho ông A số tiền gốc là 40.000.000 đồng và đề

ngihtínhlãitheoquyđịnhcủaphápluậtnêncứNghịquyếtsố01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 củahộiđồngThẩmphánToàánnhândântoìcao “hướngdẫnapdụngmộtsốquyđịnhcủaphápluậtvềlãi, lãisuất, phạtvi phạm” yêucầutínhlãicủôngAđượctínhnhưsau:

Đoivớikhoảnvayngày24/8/2017là: 25.000.000đồngx1,67%/thángx25 tháng07ngày= 10.634.966đồng, bàBđãtrả10.000.000đồng, sốtiềnlãicònlạiphảitrảlà634.966đồng.

Đoivớikhoảnvayngày04/11/2017là: 5.000.000đồngx1,67%/thángx23 tháng02ngày= 2.190.857đồng; Đoivớikhoảnvayngày29/11/2017là: 10.000.000đồngx1,67%/thángx22tháng27ngày= 3.674.000đồng, cộnglãi 5.864.857đồng, bàBđãtrả3.000.000đồng, sốtiềnlãicònlạiphảitrảlà2.864.857đồng.

Từnhữngcơsởphân tíchtrên, Hộiđồngxét xửchấpnhậnmộtpầnyêucầukhoảikhiệncủA, buộcbàBvàanhHphảitrảchoôngAsốtiềnvayngày24/8/2017là25.000.000đồng, lãiphátsinhlà10.634.966đồng, bàBđãtrả10.000.000đồng, sốtiềnlãicònlạiphảitrảlà634.966đồng.

BuộcbàBphảitrảchoôngAsốtiềnvayngày04/11/2017là5.000.000đồng, lãiphátsinhlà2.190.857đồngvàsốtiềnvayngày29/11/2017là10.000.000đồng, lãiphátsinhlà3.674.000đồng, cộnglãi5.864.857đồng, bàBđãtrả3.000.000đồng, sốtiềnlãicònlạiphảitrảlà2.864.857đồng. ĐoivớikhoảnvaynàybàBvaydùngđểsinhhoạttronggiadìnhtừchữabệnhchoôngNnênbuộcôngNphảicótráchnhiệmcùngvớibàBtrảchoôngAlàđúngquyđịnhcủaphápluật.

DoôngAyêucầuphảitrảtổngcộnggốcvàlãilà62.2000.000đồngnênkhoànghocơsởchấpnhậnsốtiềnlà18.700.177đồng.

[2] Vềánphí: Do yêucầukhoảikhiệncủôngAđượchấpnhậnmộtpầnnênbuộc cácdương sựphảichịuánphíđânsựsơthẩmtheoquyđịnhcủaphápluật.

Vì cáclẽtrên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 củahộiđồngThẩmphánToàánnhândântoìcao “hướngdẫnapdụngmộtsốquyđịnhcủaphápluậtvềlãi, lãisuất, phạtvi phạm” và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận mộtpầnyêucầukhoảikhiệncủôngAvềviệcthanhchấphợpdòngdânsựvaytàisản” đoivớibịđơnbàBvàanhH.

BuộcbàBvàanhHphảitrảchoôngAsốtiềnvayngày24/8/2017là25.000.000đồng, lãiphátsinhcònlạiphảitrảlà634.966đồng, cộnggốcvàlãilà

25.634.966 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm sáu mươi sáu đồng).

Buộc bà B và ông N phải trả cho ông A số tiền vay ngày 04/11/2017 là 5.000.000 đồng; số tiền vay ngày 29/11/2017 là 10.000.000 đồng và lãi phát sinh còn lại phải trả là 2.864.857 đồng, cộng gốc và lãi là 17. 864.857 đồng (Mười bảy triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A với số tiền là 18.700.177 đồng.

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015”.

2. Về án phí:

Buộc bà B và anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.281.750 đồng.

Buộc vợ chồng bà B và ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 893.242 đồng.

Buộc ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 935.000 đồng, được khấu trừ 1.475.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2016/0012836 ngày 08/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, ông A được nhận lại số tiền 540.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, bị đơn anh H vắng mặt. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Biên